Signature Not Verified
Được ký bởi TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI
Ngày ký: 15.08.2012 08:41

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3
Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: (0383) 855 619 Fax: (0383) 855 263

MẪU SỐ B 01a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 (đ)	01/01/2012 (đ)
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**18.194.967.354**	**19.880.019.791**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**2.101.142.979**	**845.713.161**
1.	Tiền	111	V.1	101.142.979	845.713.161
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	0
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**0**	**0**
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**10.247.942.408**	**15.522.622.967**
1.	Phải thu khách hàng	131		9.264.634.409	13.654.026.805
2.	Trả trước cho người bán	132		44.175.800	83.995.800
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.186.272.456	1.987.845.619
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(247.140.257)	(203.245.257)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**4.560.142.435**	**2.358.913.451**
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	4.560.142.435	2.358.913.451
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**1.285.739.532**	**1.152.770.212**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41.581.524	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.244.158.008	1.152.770.212
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**4.431.490.041**	**4.135.333.394**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**0**	**0**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.827.780.925**	**2.963.956.113**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.577.829.859	2.765.229.565
	Nguyên giá	*222*		*9.841.341.527*	*9.841.341.527*
	Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(7.263.511.668)*	*(7.076.111.962)*
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	249.951.066	198.726.548
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**0**	**0**
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**V.13**	**1.318.269.000**	**950.000.000**
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		2.487.300.000	2.500.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.169.031.000)	(1.550.000.000)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**285.440.116**	**221.377.281**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	285.440.116	221.377.281
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**22.626.457.395**	**24.015.353.185**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ *(tiếp theo)*

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 (đ)	01/01/2012 (đ)
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**7.046.371.695**	**7.612.022.559**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**6.904.404.250**	**7.465.093.564**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	400.000.000
2.	Phải trả người bán	312		463.239.522	942.938.920
3.	Người mua trả tiền trước	313		1.243.640.037	207.979.705
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	724.810.619	1.400.998.641
5.	Phải trả người lao động	315		1.405.135.919	2.951.284.377
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	0	128.047.772
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.977.600.904	1.354.921.816
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		89.977.249	78.922.333
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**141.967.445**	**146.928.995**
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		141.967.445	146.928.995
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**15.580.085.700**	**16.403.330.626**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.22**	**15.580.085.700**	**16.403.330.626**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	2.723.692
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.166.591.330	1.127.969.892
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		475.904.777	392.179.921
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		731.629.593	1.674.497.121
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**0**	**0**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**22.626.457.395**	**24.015.353.185**

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		*938,96*	*938,48*

Nghệ An, ngày 13 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
	Trần Thị Lương	**Đậu Ngọc Thanh**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3
Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: (0383) 855 619 Fax: (0383) 855 263

MẪU SỐ B 02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Quý II năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2012 (đ)	Quý II năm 2011 (đ)	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (đ)	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (đ)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.719.950.744	1.266.810.411	4.827.880.528	1.630.652.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**VI.27**	**3.719.950.744**	**1.266.810.411**	**4.827.880.528**	**1.630.652.882**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	2.385.243.304	817.052.893	3.093.550.720	1.001.744.383
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**1.334.707.440**	**449.757.518**	**1.734.329.808**	**628.908.499**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	160.744.086	126.374.318	205.281.111	172.596.395
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	(377.667.000)	525.000.000	(358.967.000)	547.734.705
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*0*	*0*	*18.700.000*	*22.734.705*
8. Chi phí bán hàng	24		0	5.295.000	0	5.295.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.180.885.608	241.239.219	1.457.025.015	326.139.613
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**692.232.918**	**(195.402.383)**	**841.552.904**	**(77.664.424)**
11. Thu nhập khác	31		24.338.139	230.060.359	24.338.139	230.110.359
12. Chi phí khác	32		2.667.500	87.712.966	5.582.445	89.173.051
13. Lợi nhuận khác	**40**		**21.670.639**	**142.347.393**	**18.755.694**	**140.937.308**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**713.903.557**	**(53.054.990)**	**860.308.598**	**63.272.884**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	103.058.122	(35.138.747)	128.679.005	(6.056.779)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**610.845.435**	**(17.916.243)**	**731.629.593**	**69.329.663**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.35**	**462,86**	**(13,58)**	**554,39**	**52,53**

Nghệ An, ngày 13 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
	Trần Thị Lương	**Đậu Ngọc Thanh**